



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 24

Ngày 15 tháng 03 năm 2024

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

10/03/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 299/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	3
10/03/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 300/NQ-HĐND điều chỉnh tên dự án tại Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 11)	9

UBND TỈNH

29/02/2024	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 376/QĐ-UBND, về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Sơn La kỳ 2019 - 2023 (Đăng từ Công báo số 22 + 23)	11
12/03/2024	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 423/QĐ-UBND về việc cấp gạo hỗ trợ cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ học kỳ II năm học 2023 - 2024	37
15/03/2024	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 443/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định mẫu hiện vật khen thưởng; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.	40

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 299/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 10 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ
cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ MƯỜI TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về triển khai Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 09 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 456/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc dừng triển khai Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (tỉnh Sơn La) theo phương thức đối tác công tư; Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phân cấp và giao cơ quan chủ quản đầu tư các dự án đường bộ theo Nghị quyết số 106/2023/QH15 của Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Căn cứ Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ thông báo dự kiến vốn ngân sách nhà nước kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Công văn số 671/TTg-CN ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư một số tuyến đường bộ cao tốc; Công văn số 1623/BKHĐT-TH ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đôn đốc gửi báo cáo việc hoàn thiện thủ tục đầu tư, đề xuất giao kế hoạch vốn cho các dự án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách Trung ương năm 2022;

Xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 8 ngày 03 tháng 2024; Báo cáo thẩm tra số 713/BC-KTNS ngày 09 tháng 3 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

1. Tên dự án

Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Mục tiêu đầu tư

- Từng bước hoàn thiện tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La theo quy hoạch.

- Tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, kết nối liên vùng. Đáp ứng nhu cầu vận tải kết nối trung tâm kinh tế, chính trị với các tỉnh Tây Bắc, các khu đô thị, khu du lịch quốc gia, khu công nghiệp, phục vụ cho mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh, góp phần tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đặc biệt là phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu khi điều kiện về kết nối giao thông thuận lợi và các Dự án khác được đầu tư trong khu vực này; kết nối các khu vực chính của tỉnh Hòa Bình và tỉnh Sơn La, thay đổi tình trạng Quốc lộ 6 là đường độc đạo.

- Tạo điều kiện khai thác những tiềm năng, thế mạnh về phát triển dịch vụ, du lịch tại huyện Vân Hồ và huyện Mộc Châu nói riêng và tỉnh Sơn La nói chung; thu hút khai thác các quỹ đất chưa sử dụng; tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, thúc đẩy giao lưu phát triển kinh tế - văn hoá, xã hội của nhân dân, là tuyến đường đảm bảo giao thông khi tuyến Quốc lộ 6 xảy ra ách tắc, cơ động đảm bảo quốc phòng an ninh khu vực. Hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp đã được nêu tại Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Nhiệm kỳ 2020 - 2025.

3. Phạm vi, quy mô đầu tư

3.1. Phạm vi đầu tư

a) Điểm đầu

- Đối với dự án đầu tư xây dựng: Tại Km53+00 thuộc địa phận xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La (*nối tiếp với Dự án tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu đoạn Km19 - Km53, trên địa phận tỉnh Hòa Bình đã được phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi*).

- Đối với dự án giải phóng mặt bằng: Tại Km 50 + 900 (*thuộc ranh giới hai tỉnh Hòa Bình và Sơn La*). Trên đoạn tuyến từ Km 50 + 900 - Km 53, tỉnh Hòa Bình thực hiện đầu tư xây dựng công trình, tỉnh Sơn La bố trí kinh phí và thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng, bàn giao mặt bằng cho tỉnh Hòa Bình thi công xây dựng công trình.

b) Điểm cuối

Tại Km 85 + 300, giao với Quốc lộ 43 (thuộc địa phận xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La).

c) Chiều dài dự án

Dự án đầu tư xây dựng dài khoảng 32,3 km; dự án giải phóng mặt bằng dài khoảng 34,4 km (chiều dài thực tế sẽ được chuẩn xác trong các bước thực hiện tiếp theo).

3.2. Quy mô đầu tư

Các yếu tố hình học của đoạn tuyến đạt tiêu chuẩn đường ô tô cao tốc theo TCVN 5729: 2012, cấp đường ô tô cao tốc 80 (với tốc độ thiết kế là 80km/h), mặt cắt ngang giai đoạn hoàn chỉnh đạt tiêu chuẩn đường ô tô cao tốc 04 làn xe với $B_{nền} = 22,0m$. Để việc đầu tư đạt hiệu quả, đáp ứng nhu cầu giao thông vận tải, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực đầu tư, thực hiện theo giai đoạn phân kỳ đầu tư với quy mô như sau:

- Bình đồ, trắc dọc đạt tiêu chuẩn đường ô tô cao tốc (theo TCVN 5729: 2012), với tốc độ thiết kế 80km/h.

- Mặt cắt ngang giai đoạn phân kỳ quy mô 02 làn xe cơ giới với bề rộng nền đường $B_{nền} = 12,0m$, riêng đối với các đoạn đào sâu bề rộng nền đường thiết kế theo giai đoạn hoàn chỉnh với $B_{nền} = 22,0m$.

- Công trình cầu: Xây dựng cầu vĩnh cửu (theo TCVN 11823: 2017), tải trọng thiết kế HL-93. Giai đoạn phân kỳ xây dựng một đơn nguyên, mặt cầu dốc ngang một mái lệch về bên phải tim đường giai đoạn hoàn thiện, bề rộng cầu bằng bề rộng nền đường giai đoạn phân kỳ $B=12,0m$.

- Nút giao, đường ngang, hầm chui dân sinh: Tại các nút giao với đường Quốc lộ và đường chính xây dựng nút giao khác mức đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác và phù hợp với nút giao kết nối liên thông giai đoạn hoàn chỉnh;

các đường giao dân sinh được thiết kế trên nguyên tắc khác mức với đường cao tốc; xây dựng hầm chui dân sinh trên tuyến đảm bảo kết nối dân sinh hai bên tuyến đường.

- Hệ thống an toàn giao thông, hệ thống chiếu sáng, các công trình gia cố, phòng hộ và các công trình khác trên tuyến được xây dựng đảm bảo tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và phù hợp với quy mô phân kỳ đầu tư của dự án.

4. Nhóm dự án: Dự án nhóm A.

5. Tổng mức đầu tư dự án: Khoảng 4.938 tỷ đồng.

6. Cơ cấu nguồn vốn

- Ngân sách Trung ương: 3.400 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh: 1.538 tỷ đồng.

7. Địa điểm thực hiện dự án

Huyện Vân Hồ và Mộc Châu, tỉnh Sơn La. 8. Thời gian thực hiện dự án:
Năm 2023 - 2028.

9. Tiến độ thực hiện dự án

- Năm 2023 - 2024: Chuẩn bị dự án.

- Năm 2024 - 2027: Thực hiện dự án.

- Năm 2028: Kết thúc xây dựng, quyết toán dự án hoàn thành.

10. Dự kiến kế hoạch bố trí vốn theo thời gian

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Năm	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng cộng
1	Năm 2023 - 2025	3.400	390	3.790
2	Năm 2026 - 2028		1.148	1.148
	Tổng cộng	3.400	1.538	4.938

11. Các nội dung khác

11.1. Phân chia các dự án thành phần

Để đảm bảo thuận tiện, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nhất là đối với việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng, việc phân chia dự án thành các dự án thành phần độc lập như sau:

* Dự án 1:

- Tên dự án: Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ.

- Tổng chiều dài dự án dự kiến khoảng 33,35 km;
- Tổng mức đầu tư dự án dự kiến khoảng 456 tỷ đồng.
- Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2025.

*** Dự án 2:**

- Tên dự án: Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Mộc Châu.

- Tổng chiều dài dự án dự kiến khoảng 1,05 km;
- Tổng mức đầu tư dự án dự kiến khoảng 37,0 tỷ đồng.
- Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2025.

*** Dự án 3:**

- Tên dự án: Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông.
- Tổng chiều dài dự án dự kiến khoảng 32,3 km;
- Tổng mức đầu tư dự án dự kiến khoảng 4.445 tỷ đồng.
- Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2028.

11.2. Phương án tổng thể GPMB

Thực hiện giải phóng mặt bằng một lần theo quy mô quy hoạch (giai đoạn hoàn chỉnh với bề rộng nền đường 22m theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô cao tốc TCVN 5729:2012).

11.3. Trên cơ sở nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư sau này, tiếp tục hoàn thiện dự án theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

1.1. Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo nội dung, yêu cầu tại Công văn số 1623/BKHĐT-TH ngày 06 tháng 3 năm 2024;

1.2. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án trình cấp có thẩm quyền (nếu cần) đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện, khả năng của tỉnh.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ mười tám thông qua ngày 10 tháng 3 năm 2024, có hiệu lực từ ngày thông qua và thay thế nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn qua tỉnh Sơn La./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 300/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 10 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh tên dự án tại Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 19/12/2023
của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn
vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 11)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ MƯỜI TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phân cấp và giao cơ quan chủ quản đầu tư các dự án đường bộ theo Nghị quyết số 106/2023/QH15 của Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 08 ngày 3 tháng 2024; Báo cáo thẩm tra số 713/BC-KTNS ngày 09 tháng 3 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh tên dự án tại Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 11), như sau:

1. Điều chỉnh tên dự án tại khoản 4, mục II, Phần B, Nguồn thu tiền sử dụng đất tại Biểu chi tiết kèm theo Nghị quyết thành “*Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình – Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La*”.

2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ mười tám thông qua ngày 10 tháng 3 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư Pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND; UBMTTQ các huyện, thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ các xã, phường, thị trấn;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, (150b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 376/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 29 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
của HĐND, UBND tỉnh Sơn La kỳ 2019 - 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 19/TTr-STP ngày 28 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Sơn La kỳ 2019 - 2023, bao gồm:

1. Tập hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực của HĐND, UBND tỉnh Sơn La trong kỳ hệ thống hoá 2019 - 2023 (bản điện tử);
2. Danh mục văn bản còn hiệu lực của HĐND - UBND tỉnh Sơn La trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023;
3. Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ của HĐND - UBND tỉnh Sơn La trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023;
4. Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần của HĐND - UBND tỉnh Sơn La trong kỳ hệ thống hoá 2019 - 2023.
5. Danh mục văn bản cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới của HĐND, UBND tỉnh Sơn La trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023.

Điều 2. Căn cứ kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được công bố tại Điều 1:

1. Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện đăng tải kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Sơn La kỳ 2019 - 2023 trên Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh; đăng công báo danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ, một phần của HĐND, UBND tỉnh Sơn La kỳ 2019 - 2023.

2. Căn cứ danh mục văn bản cần đình chỉ thi hành ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới của HĐND, UBND tỉnh Sơn La trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023, các sở, ban, ngành, cơ quan đơn vị có liên quan khẩn trương soạn thảo, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản đình chỉ thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, NC.Hàng.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

DANH MỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN ĐÌNH CHỈ VIỆC THI HÀNH, NGỪNG HIỆU LỰC, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BẮT BỎ HOẶC BAN HÀNH MỚI CỦA TỈNH SƠN LA TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA 2019 - 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
LĨNH VỰC TƯ PHÁP							
1	Quyết định	11/2015/QĐ-UBND ngày 06/4/2015	Quyết định về việc ban hành mức trần thù lao công chứng áp dụng đối với các Tổ chức hành nghề Công chứng trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định của Luật giá năm 2023	Sở Tư pháp	Năm 2024
LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO							
2	Nghị quyết	140/2020/NQ-HĐND ngày 03/9/2020	Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 140/2020/NQ-HĐND ngày 03/9/2020 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trường mầm non và trường phổ thông công lập có học sinh bán trú trên địa bàn tỉnh	Sửa đổi, bổ sung	Đề phù hợp với thực tiễn địa phương	Sở GD&ĐT	Dự kiến trình kỳ họp thường lệ thứ chín, HĐND tỉnh khoá XV (giữa năm 2024)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
3	Nghị quyết	124/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019	Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 124/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học trong hoạt động giáo dục và đào tạo tỉnh Sơn La	Sửa đổi, bổ sung	Đề phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương	Sở GD&ĐT	Dự kiến trình kỳ họp thường lệ thứ chín, HĐND tỉnh khoá XV (giữa năm 2024)
4	Nghị quyết		Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về khung học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tại các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh Sơn La	Ban hành mới	Để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và tình hình thực tiễn của địa phương	Sở GD&ĐT	Năm 2024
5	Nghị quyết	65/2023/NQ-HĐND ngày 28/8/2023	Quy định về mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh	Thay thế	Để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.	Sở GD&ĐT	Dự kiến trình kỳ họp thứ chín, HĐND tỉnh khoá XV (giữa năm 2024)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
6	Nghị quyết	64/2023/NQ-HĐND ngày 28/8/2023	Quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ (hoặc căn cứ theo Nghị định mới thay thế Nghị định số 116/2016/NĐ-CP mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đang dự kiến trình Chính phủ ban hành)	Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế	Đề đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và tình hình thực tiễn của địa phương.	Sở GD&ĐT	Dự kiến trình kỳ họp chuyên đề tháng 8/2024, HĐND tỉnh khoá XV
7	Nghị quyết	129/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	Về chế độ hỗ trợ kinh phí cho học sinh phải qua sông, suối, hồ để đi học	Sửa đổi, bổ sung	Đề đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế địa phương	Sở GD&ĐT	Năm 2024
8	Nghị quyết	39/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022	Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập; mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tại các trường tư thực ở địa bàn không đủ trường công lập và học sinh tiểu học tư thực thuộc đối tượng được	Bãi bỏ	Hết giai đoạn thực hiện	Sở GD&ĐT	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
			hướng chính sách miễn giảm học phí theo quy định năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh				
9	Quyết định	07/2012/QĐ-UBND ngày 27/4/2012	Ban hành quy định quản lý đội ngũ giảng viên thỉnh giảng tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sửa đổi, bổ sung	Đề phù hợp với quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/3/2016 và tình hình thực tế của địa phương	Sở GD&ĐT	Năm 2024
10	Quyết định	30/2023/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	Về ban hành quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thay thế	Đề phù hợp với quy định tại Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023	Sở GD&ĐT	Năm 2024
			LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH				
11	Nghị quyết	43/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017	Quy định mức chi đối với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh	Thay thế	Không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2024
12	Nghị quyết	38/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022	Sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh về quy định hỗ trợ mức chi đối với hoạt	Thay thế	Không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
			động văn hóa, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh Sơn La				
			LĨNH VỰC Y TẾ				
13	Nghị quyết	38/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017	Về chính sách hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh	Thay thế	Không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội	Sở Y tế	Năm 2024
14	Nghị quyết	68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung trong Nghị quyết số 78/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay	Sở Y tế	Năm 2024
15	Nghị quyết	121/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019	Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc địa phương quản lý	Thay thế	Không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội	Sở Y tế	Năm 2024
16	Quyết định	04/2023/QĐ-UBND ngày 10/02/2023	Quyết định của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thuộc Sở Y tế tỉnh Sơn La	Thay thế	Đề phù hợp với quy định của pháp luật	Sở Y tế	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
			LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI				
17	Nghị quyết	48/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Về ban hành chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sửa đổi, bổ sung	Để đảm bảo các chính sách nhằm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Năm 2024
			LĨNH VỰC NỘI VỤ				
18	Nghị quyết	61/2004/NQ-HĐND ngày 10/12/2004	Về sửa đổi điều chỉnh Nghị quyết số 44/2002/NQ-HĐND ngày 11/01/2002 của HĐND tỉnh khóa XI về phân loại quy mô bản tại tỉnh Sơn La	Bãi bỏ	Ban hành Nghị quyết bãi bỏ vì không còn phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương mà không cần thiết ban hành văn bản để thay thế	Sở Nội vụ	Quý II/2024
19	Nghị quyết	83/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Huy hiệu cho cá nhân có công đóng góp xây dựng và phát triển tỉnh	Thay thế	Ban hành Nghị quyết thay thế để phù hợp với quy định tại Điều 71 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2023	Sở Nội vụ	Quý II/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
20	Nghị quyết	53/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017	Sửa đổi khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 83/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh Sơn La về quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Huy hiệu cho cá nhân có công đóng góp xây dựng và phát triển tỉnh	Thay thế	Ban hành Nghị quyết thay thế để phù hợp với quy định tại Điều 71 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2023	Sở Nội vụ	Quý II/2024
21	Nghị quyết	119/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	Quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh; tổng số lượng và mức hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh	Thay thế	Ban hành Quyết định thay thế để phù hợp với quy định Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10 /2009 của Chính phủ; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố	Sở Nội vụ	Quý II/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
22	Nghị quyết	120/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	Quy định về mức phụ cấp, bồi dưỡng kiêm nhiệm, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động và mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia vào công việc của bản, thôn, xóm tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh	Thay thế	Đề phù hợp với quy định của pháp luật	Sở Nội vụ	Quý II/2024
23	Quyết định	36/2017/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng tỉnh Sơn La.	Thay thế	Đề phù hợp với Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022	Sở Nội vụ	Quý II/2024
24	Quyết định	26/2019/QĐ-UBND	Bãi bỏ một số nội dung tại Điều 4, 11, 12, 14 của Quy chế Thi đua, khen thưởng tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 04/11/2017 của UBND tỉnh Sơn La	Thay thế	Đề phù hợp với Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 có hiệu lực từ ngày 01/01/2024	Sở Nội vụ	Quý II/2024
25	Quyết định	46/2020/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	Về việc ban hành đánh giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lưu trữ trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thay thế	Đề phù hợp với quy định của pháp luật	Sở Nội vụ	Quý II/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
26	Quyết định	08/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	Ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thay thế	Đề phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn của địa phương	Sở Nội vụ	Quý II/2024
27	Quyết định	09/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	Ban hành Quy định về phân cấp quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.	Thay thế	Đề phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn của địa phương	Sở Nội vụ	Quý II/2024
28	Nghị quyết	20/2021/NQ-HĐND ngày 27/12/2021	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 119/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh; tổng số lương và mức hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh; Nghị	Thay thế	Đề phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn của địa phương	Sở Nội vụ	Quý II/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
			quyết số 120/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh quy định về mức phụ cấp, bồi dưỡng kiêm nhiệm, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động và mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia vào công việc của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh				
			LĨNH VỰC XÂY DỰNG				
29	Quyết định	10/2007/QĐ-UBND ngày 04/5/2007	Về việc phân công trách nhiệm thực hiện quản lý đánh số, gắn biển số nhà	Sửa đổi, bổ sung	Để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế thực hiện quản lý đánh số, gắn biển số nhà	Sở Xây dựng	Quý II/2024
30	Quyết định	27/2019/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Ban hành quy định về đối tượng, điều kiện và tiêu chí ưu tiên để lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sửa đổi, bổ sung	Để phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn của địa phương	Sở Xây dựng	Quý II/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
			LĨNH VỰC KẾ HOẠCH & ĐẦU TƯ				
31	Nghị quyết	264/2009/NQ-HĐND ngày 17/4/2009	Về nhiệm vụ, giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng, đảm bảo an sinh xã hội	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định hiện hành, các căn cứ pháp lý hết hiệu lực	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2024
32	Nghị quyết	117/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016 - 2020)	Bãi bỏ	Hết giai đoạn thực hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2024
33	Nghị quyết	119/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	Về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020	Bãi bỏ	Hết giai đoạn thực hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2024
34	Nghị quyết	29/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017	Ban hành nguyên tắc tiêu chí định mức phân bổ vốn ĐTPT và kinh phí sự nghiệp nguồn NSNN thực hiện chương trình MTQG GNBV giai đoạn 2016 - 2020	Bãi bỏ	Hết giai đoạn thực hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2024
35	Nghị quyết	32/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017	Quy định nội dung, định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện đối với một số dự án thuộc	Bãi bỏ	Hết giai đoạn thực hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
			các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020				
36	Nghị quyết	50/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017	Định mức kinh phí hỗ trợ tổ chức lập kế hoạch đầu tư- cấp xã thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định hiện hành, các căn cứ pháp lý hết hiệu lực	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2024
37	Nghị quyết	81/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 117/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020	Bãi bỏ	Hết giai đoạn thực hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2024
38	Nghị quyết	82/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019	Bãi bỏ	Hết giai đoạn thực hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2024
39	Quyết định	13/2008/QĐ-UBND ngày 22/7/2008	Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2006/QĐ-UBND 07/7/2006 của UBND tỉnh về đơn giá lập, thẩm định quy hoạch chi tiết các khu, điểm tái định cư Dự án Thủy điện Sơn La	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định hiện hành, các căn cứ pháp lý hết hiệu lực	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
40	Quyết định	25/2014/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	Về việc ban hành quy định tạm vay các nguồn vốn ngân sách tỉnh chưa sử dụng cho các dự án trọng điểm, cấp thiết để đẩy nhanh tiến độ trên địa bàn huyện Vân Hồ, huyện Sốp Cộp và thành phố Sơn La	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định hiện hành, các căn cứ pháp lý hết hiệu lực	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2024
41	Quyết định	29/2014/QĐ-UBND ngày 06/11/2014	Quy định cụ thể một số nội dung thực hiện cơ chế đặc thù về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện “Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La” theo Quyết định số 498/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định hiện hành, căn cứ pháp lý hết hiệu lực: Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước; Căn cứ Nghị quyết số 65/2014/NQ-HĐND ngày 03/4/2014 của HĐND tỉnh Sơn La về	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					ban hành cơ chế, chính sách phát triển đối với huyện Vân Hồ, huyện Sốp Cộp và thành phố Sơn La hết hiệu lực		
			LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN				
42	Nghị quyết	37/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017	Về cơ chế, chính sách hỗ trợ trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020	Bãi bỏ	Bãi bỏ toàn bộ văn bản do Nghị quyết có thời gian thực hiện là giai đoạn 2017 - 2020, các chỉ tiêu thực hiện Nghị quyết giai đoạn 2018 - 2020 đã kết thúc	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2024
43	Nghị quyết	57/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023	Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung một số địa bàn tại phụ lục khu vực không được phép chăn nuôi kèm theo Nghị quyết số 57/2023/NQ-HĐND tỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn trên cơ sở đề xuất của địa phương	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
44	Nghị quyết	58/2023/NQ-HĐND ngày 02/6/2023	Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La	Ban hành văn bản mới thay thế	Ban hành mới thay thế do một số nội dung tại Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND không còn phù hợp với Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ và Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2024
45	Quyết định	06/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014	Quy định mức hỗ trợ trồng rừng và chuyển đổi vật nuôi có giá trị kinh tế cao theo quy hoạch cho các huyện nghèo trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ	Các căn cứ ban hành Quyết định đã hết hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý II Năm 2024
46	Quyết định	11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014	Ban hành quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng thuộc Chương trình dự án trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ	Các căn cứ ban hành Quyết định đã hết hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý II Năm 2024
47	Quyết định	32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014	Về việc sửa đổi khoản 1, điều 1 của quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng thuộc các chương trình dự án trên địa bàn tỉnh Sơn La ban	Bãi bỏ	Các căn cứ ban hành Quyết định đã hết hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý II Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
			hành theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của UBND tỉnh Sơn La				
48	Quyết định	15/2019/QĐ-UBND ngày 06/5/2019	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La	Ban hành văn bản mới thay thế	Ban hành văn bản thay thế do một số nội dung tại Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 không còn phù hợp với Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2024
			LĨNH VỰC THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG				
49	Nghị quyết	56/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023	Ban hành Quy định nội dung chi, mức chi thực hiện Dự án Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 Bộ Tài chính	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
50	Quyết định	31/2019/QĐ-UBND, ngày 14/8/2019	Ban hành quy chế hoạt động của Công dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Sơn La	Thay thế	Các căn cứ ban hành Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh Sơn La đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2024 (sau khi Luật Giao dịch điện tử 2023 có hiệu lực)
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG							
51	Nghị quyết	77/2003/NQ-HĐND ngày 18/7/2003	Về công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai và quản lý đất đai sau quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ	Căn cứ pháp lý ban hành văn bản hết hiệu lực thi hành	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2024
52	Nghị quyết	265/2009/NQ-HĐND ngày 17/4/2009	Về giải pháp giải quyết những vướng mắc, tồn đọng trong việc thực hiện Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ	Căn cứ pháp lý ban hành văn bản hết hiệu lực thi hành	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2024
53	Quyết định	01/2010/QĐ-UBND ngày 21/01/2010	Về việc sửa đổi Điều 2 Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND ngày 26/02/2007 của UBND tỉnh Sơn La	Bãi bỏ	Căn cứ pháp lý ban hành văn bản hết hiệu lực thi hành	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
			về việc ban hành đơn giá lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch. sử dụng đất cấp tỉnh, huyện, xã				
54	Quyết định	09/2010/QĐ-UBND ngày 3/11/2010	Về việc cụ thể hoá một số điều của Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg ngày 08/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ	Căn cứ pháp lý ban hành văn bản hết hiệu lực thi hành	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2024
55	Quyết định	11/2021/QĐ-UBND ngày 4/6/2021	Ban hành giá sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ	Căn cứ pháp lý ban hành văn bản hết hiệu lực thi hành	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2024
			LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG				
56	Nghị quyết	23/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	Về chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất may công nghiệp, giấy da trên địa bàn tỉnh đến năm 2020	Bãi bỏ	Hết giai đoạn thực hiện	Sở Công thương	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
57	Quyết định	120/2004/QĐ-UBND ngày 29/9/2004	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của ban quản lý Chương trình phát triển chợ tỉnh Sơn La	Bãi bỏ	Căn cứ pháp lý ban hành văn bản hết hiệu lực thi hành	Sở Công thương	Năm 2024
58	Quyết định	39/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018	Quy chế quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý ban hành văn bản hết hiệu lực một phần được sửa đổi, bổ sung và thay thế	Sở Công thương	Theo hướng dẫn, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung
59	Quyết định	15/2022/QĐ-UBND ngày 25/4/2022	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công thương	Sửa đổi	Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương được sát nhập thành đơn vị khác	Sở Công thương	Năm 2024
LĨNH VỰC TÀI CHÍNH							
60	Nghị quyết	74/2014/NQ-HĐND ngày 03/4/2014	Về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế địa phương	Sở Tài chính	Năm 2024
61	Quyết định	12/2007/QĐ-UBND ngày 08/5/2007	Về việc quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định của pháp luật (các văn bản sử	Sở Tài chính	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
			ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ		dụng làm căn cứ ban hành đã hết hiệu lực thi hành)		
62	Quyết định	15/2007/QĐ-UBND ngày 01/6/2007	Ban hành quy trình tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thủy điện Sơn La	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định của pháp luật (các văn bản sử dụng làm căn cứ ban hành đã hết hiệu lực thi hành)	Sở Tài chính	Năm 2024
63	Quyết định	29/2007/QĐ-UBND ngày 05/12/2007	Về việc sửa đổi một số điều ban hành tại Quyết định số 15/2007/QĐ-UBND ngày 01/6/2007 của UBND tỉnh về quy trình tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định của pháp luật (các văn bản sử dụng làm căn cứ ban hành đã hết hiệu lực thi hành)	Sở Tài chính	Năm 2024
64	Quyết định	08/2008/QĐ-UBND ngày 14/4/2008	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2007/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chi tiết một số điều về bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định của pháp luật (các văn bản sử dụng làm căn cứ ban hành đã hết hiệu lực thi hành)	Sở Tài chính	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
			02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ				
65	Quyết định	15/2008/QĐ-UBND ngày 0/9/2008	Về việc quy định cơ quan, đơn vị thu lệ phí cấp giấy, xác nhận thay đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định của pháp luật (các văn bản sử dụng làm căn cứ ban hành đã hết hiệu lực thi hành)	Sở Tài chính	Năm 2024
66	Quyết định	25/2008/QĐ-UBND ngày 27/12/2008	Về việc quy định cơ quan, đơn vị thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định của pháp luật (các văn bản sử dụng làm căn cứ ban hành đã hết hiệu lực thi hành)	Sở Tài chính	Năm 2024
67	Quyết định	11/2012/QĐ-UBND ngày 09/7/2012	Về việc quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện Đề án “ Ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân Sông Đà xây dựng thủy điện Hoà Bình ” thuộc tỉnh Sơn La, giai đoạn 2011 - 2015	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định của pháp luật (các văn bản sử dụng làm căn cứ ban hành đã hết hiệu lực thi hành)	Sở Tài chính	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
68	Quyết định	12/2012/QĐ-UBND ngày 24/7/2012	Về việc sửa đổi Điểm 1, Điều 15, Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 09/7/2012 về việc quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện Đề án “Ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân Sông Đà xây dựng thủy điện Hoà Bình ” thuộc tỉnh Sơn La, giai đoạn 2011 - 2015	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định của pháp luật (các văn bản sử dụng làm căn cứ ban hành đã hết hiệu lực thi hành)	Sở Tài chính	Năm 2024
69	Quyết định	27/2014/QĐ-UBND ngày 04/11/2014	Sửa đổi điều 6 Quyết định số 12/2007/QĐ-UBND ngày 08/5/2007 của UBND tỉnh quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La ban hành theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định của pháp luật (các văn bản sử dụng làm căn cứ ban hành đã hết hiệu lực thi hành)	Sở Tài chính	Năm 2024
70	Quyết định	28/2014/QĐ-UBND ngày 04/11/2014	Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định kèm theo Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 09/7/2012 của UBND tỉnh quy định về một số	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định của pháp luật (các văn bản sử dụng làm căn cứ ban	Sở Tài chính	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
			nội dung về bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện Đề án "Ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân Sông Đà Xây dựng thủy điện Hòa Bình" thuộc tỉnh Sơn La, gia đoạn 2011 - 2015		hành đã hết hiệu lực thi hành)		
71	Quyết định	35/2014/QĐ-UBND ngày 02/12/2014	Về việc Quy định đối tượng học viên hưởng chế độ hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian tập trung học trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định của pháp luật (các văn bản sử dụng làm căn cứ ban hành đã hết hiệu lực thi hành)	Sở Tài chính	Năm 2024
72	Quyết định	41/2016/QĐ-UBND ngày 11/12/2016	Về việc bổ sung thêm Khoản 3 vào Điều 1 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 04/11/2014 của UBND tỉnh về sửa đổi Điều 6 Quyết định số 12/2007/QĐ-UBND ngày 08/5/2007 của UBND tỉnh quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với quy định của pháp luật (các văn bản sử dụng làm căn cứ ban hành đã hết hiệu lực thi hành)	Sở Tài chính	Năm 2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
73	Quyết định	30/2017/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	Về việc quy định mức giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ	Không còn phù hợp với Luật giá năm 2023	Sở Tài chính	Năm 2024
74	Quyết định	27/2018/QĐ-UBND ngày 12/10/2018	Ban hành Quy chế sử dụng nguồn vốn huy động khác để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Sơn La	Bãi bỏ	Hết giai đoạn thực hiện	Sở Tài chính	Năm 2024

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 423/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 12 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp gạo hỗ trợ cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP
ngày 18/7/2016 của Chính phủ học kỳ II năm học 2023 - 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính
phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở các xã, thôn đặc biệt
khó khăn;*

*Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TCĐT ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tổng
Cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học
sinh học kỳ II năm học 2023 - 2024;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số
50/TTr-SGDĐT ngày 08 tháng 3 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp nhận 2.935.251 kg gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2023 - 2024 từ Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Tây Bắc.

Phân bổ gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ II, năm học 2023 - 2024 theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Tổng số gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ II năm học 2023 - 2024: 2.935.251 kg.

2. Thời gian giao nhận gạo đến hết ngày 25 tháng 4 năm 2024.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo là đơn vị đầu mối theo dõi, đôn đốc việc tiếp nhận, vận chuyển gạo từ trung tâm huyện, thành phố tới các trường. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục tiếp nhận, bảo quản và sử dụng gạo hỗ trợ học sinh đảm bảo đúng đối tượng, định mức theo quy định. Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

2. UBND các huyện, thành phố: Quyết định phân bổ chi tiết số lượng gạo hỗ trợ đến từng trường có học sinh được hỗ trợ gạo. Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào

tạo, các đơn vị trường học có học sinh được hỗ trợ gạo chuẩn bị kho bãi, tiếp nhận gạo tại trung tâm huyện, thành phố; kiểm tra chất lượng gạo khi nhận bàn giao. Bố trí, cân đối nguồn kinh phí giao nhận, vận chuyển, phân phối gạo từ trung tâm huyện, thành phố tới các trường có học sinh được hỗ trợ (*cả các trường trung học phổ thông*). Báo cáo kết quả về UBND tỉnh (*qua Sở Giáo dục và Đào tạo*) theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố; các đơn vị dự toán triển khai thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ gạo cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động - Thương binh và xã hội; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (*Báo cáo*);
- Thường trực Tỉnh ủy (*Báo cáo*);
- Thường trực HĐND tỉnh (*Báo cáo*);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh (*Báo cáo*);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh;
- Tổng Cục Dự trữ Nhà nước;
- Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Tây Bắc;
- Như Điều 3;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Đại.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

(Đã ký)

Tráng Thị Xuân

Phụ lục**CẤP GẠO HỖ TRỢ CHO HỌC SINH THEO NGHỊ ĐỊNH
SỐ 116/2016/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ HỌC KÌ II NĂM HỌC 2023 - 2024**
(Kèm theo Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Số lượng gạo cấp (kg)	Đơn vị xuất cấp
	Tổng số	2.935.251	
1	Huyện Bắc Yên	337.180	Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Tây Bắc
2	Huyện Mai Sơn	272.225	
3	Huyện Mộc Châu	69.227	
4	Huyện Mường La	360.694	
5	Huyện Phù Yên	330.039	
6	Huyện Quỳnh Nhai	101.635	
7	Huyện Sông Mã	512.866	
8	Huyện Sốp Cộp	245.285	
9	Thành phố Sơn La	24.265	
10	Huyện Thuận Châu	420.224	
11	Huyện Vân Hồ	132.583	
12	Huyện Yên Châu	129.028	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 443/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 15 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định mẫu hiện vật khen thưởng; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;
Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
Căn cứ Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sơn La;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 189/TTr-SNV ngày 08 tháng 3 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mẫu hiện vật khen thưởng; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định hiện vật khen thưởng và việc công bố, trao tặng, quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ; Ban TĐKT Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc cụm, khối thi đua của tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Tùng.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Mẫu hiện vật khen thưởng; quản lý, cấp phát, cấp đổi,
cấp lại hiện vật khen thưởng của các danh hiệu thi đua
và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh**
(Kèm theo Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về mẫu hiện vật khen thưởng; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

2. Các cơ quan, đơn vị đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng; cá nhân, tập thể, hộ gia đình được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Điều 3. Hiện vật khen thưởng

1. Hiện vật khen thưởng là sản phẩm đặc biệt, được Nhà nước bảo hộ để tặng cho tập thể, hộ gia đình, tặng hoặc truy tặng cho cá nhân khi được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

2. Hiện vật khen thưởng gồm có:

- Huy hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh”;
- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La”;
- Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Bằng chứng nhận “Chiến sĩ thi đua tỉnh”;
- Bằng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;
- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Bằng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La”;
- Khung Bằng chứng nhận danh hiệu: “Chiến sĩ thi đua tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”; khung bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Hộp đựng huy hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh”;
- Hộp đựng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La”.

Chương II

HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Mục 1

MẪU HUY HIỆU “CHIẾN SĨ THI ĐUA TỈNH SƠN LA”; KỶ NIỆM CHƯƠNG “VÌ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TỈNH SƠN LA”

Điều 4. Huy hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh”, có kết cấu chia làm 02 phần: cuống huy hiệu và thân huy hiệu

1. Cuống Huy hiệu: chất liệu bằng đồng đỏ mạ vàng hợp kim Ni-Co, kích thước 25 mm x 11 mm, nền màu đỏ, viền ngoài màu vàng.

2. Thân Huy hiệu

Chất liệu bằng đồng đỏ mạ vàng hợp kim Ni-Co; hình sao vàng năm cánh cách điệu dập nổi, đường kính đường tròn ngoại tiếp năm đỉnh sao bằng 40mm; đường tròn bên trong có đường kính phù hợp, có biểu trưng (Logo) hình Quốc huy Việt Nam, phía trên có dòng chữ “CHIẾN SĨ THI ĐUA”, phía dưới có dòng chữ “TỈNH SƠN LA”, phong chữ “Times New Roman”, chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu vàng; cỡ chữ 05.

3. Mẫu huy hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh” được minh họa tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Điều 5. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La”, có kết cấu chia làm 02 phần: cuống kỷ niệm chương và thân kỷ niệm chương.

1. Cuống kỷ niệm chương: kích thước 20mm x 10mm, nền màu đỏ tươi, viền ngoài màu vàng, ở giữa có dòng chữ “SƠN LA”.

2. Thân kỷ niệm chương: Hình sao vàng năm cánh cách điệu dập nổi, đường kính đường tròn ngoại tiếp năm đỉnh sao bằng 40mm, bên trong là hình tròn có biểu tượng của tỉnh Sơn La, phía trên có dòng chữ “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển”, phía dưới có dòng chữ “Sơn La”.

3. Mẫu kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La” được minh họa tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Mục 2

MẪU BẢNG, CỜ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 6. Bảng chứng nhận “Chiến sĩ thi đua tỉnh”

1. Kích thước: Bảng được in trên khổ giấy kích thước là 360 mm x 237 mm.

2. Hoa tiết trang trí xung quanh:

a) Đường diềm được trang trí bằng các họa tiết hoa văn cách điệu, màu sắc phù hợp màu nền của Bảng;

b) Chính giữa phía trên là Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hai bên cạnh Quốc huy là hàng cờ đỏ mỗi bên 03 cờ.

3. Hình nền được trang trí bằng họa tiết hoa văn hoa sen, màu sắc phù hợp với màu nền vàng chanh.

4. Phong chữ: “Times New Roman”.

5. Nội dung:

a) Quốc hiệu: “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng đậm màu đen;

b) Tiêu ngữ: “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 14, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen; chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối, có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ;

c) Thẩm quyền quyết định khen thưởng: ghi làm một dòng “CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA”; được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu đỏ; cỡ chữ 16;

d) Tính chất tặng thưởng: Ghi là “TẶNG DANH HIỆU”; được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu đen; cỡ chữ 16;

đ) Tên danh hiệu thi đua: Ghi là “CHIẾN SĨ THI ĐUA TỈNH”; được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu đỏ; cỡ chữ 30;

e) Các dòng ghi họ và tên của cá nhân được khen thưởng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen; địa chỉ (hoặc chức vụ, đơn vị công tác đối với cá nhân đang công tác ở các cơ quan, tổ chức) chữ in thường, kiểu chữ đứng, màu đen; thành tích của cá nhân được khen thưởng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen. Cỡ chữ các nội dung này căn chỉnh cho phù hợp đảm bảo đẹp, trang trọng;

g) Phía dưới bên trái dòng trên ghi số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành quyết định; dòng dưới “Số sổ vàng” ghi số thứ tự của cá nhân được khen thưởng trong quyết định, chữ của hai dòng in thường, cỡ chữ 10, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen;

h) Phía dưới bên phải ghi địa danh “Sơn La”, ngày, tháng, năm ban hành quyết định, chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen; cỡ chữ 13;

i) Chức vụ của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng: ghi “CHỦ TỊCH” chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen, Cỡ chữ 13;

k) Khoảng trống để ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên người có thẩm quyền quyết định khen thưởng, chữ in thường, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

6. Mẫu bằng chứng nhận “Chiến sĩ thi đua tỉnh” được minh họa tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Điều 7. Bằng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

1. Kích thước: Bằng được in trên khổ giấy A4, kích thước là 297 mm x 210 mm.

2. Họa tiết hoa văn trang trí xung quanh:

a) Đường diềm được trang trí bằng các họa tiết hoa văn cách điệu, màu sắc phù hợp màu nền của Bằng;

b) Chính giữa phía trên là Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hai bên cạnh Quốc huy là hàng cờ đỏ, mỗi bên 03 cờ.

3. Hình nền bằng để trắng.

4. Phong chữ: “Times New Roman”.

5. Nội dung:

a) Quốc hiệu và Tiêu ngữ: Quốc hiệu “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu đen, cỡ chữ 12;

Tiêu ngữ “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” được trình bày bằng chữ in thường, phong chữ “Times New Roman” và liền dưới Quốc hiệu, cỡ chữ 15, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen; chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối, có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ, cỡ chữ 13;

b) Thẩm quyền quyết định khen thưởng: ghi làm một dòng “CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA”; được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu đỏ; cỡ chữ 14;

c) Tính chất tặng thưởng: Ghi là “TẶNG DANH HIỆU”; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu đen; cỡ chữ 14;

d) Tên danh hiệu thi đua: Ghi là “TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC” chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu đỏ; cỡ chữ 24;

đ) Dòng ghi tên đơn vị được tặng danh hiệu thi đua chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen; địa chỉ (hoặc cơ quan chủ quản đối với tập thể) chữ in thường, kiểu chữ đứng, màu đen; thành tích của tập thể được khen thưởng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen. Cỡ chữ các nội dung này căn chỉnh cho phù hợp đảm bảo đẹp, trang trọng;

e) Phía dưới bên trái: là số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành quyết định; “Số sổ vàng” đặt dưới dòng số quyết định ghi số thứ tự của đối tượng được khen thưởng trong quyết định; chữ của hai dòng in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen, cỡ chữ 10;

g) Phía dưới bên phải: ghi địa danh “Sơn La”, ngày, tháng, năm ban hành quyết định; chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen, cỡ chữ 12;

Ngay dưới dòng địa danh là dòng chữ ghi chức vụ của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng “CHỦ TỊCH”, chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen, cỡ chữ 12;

h) Khoảng trống để ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên Chủ tịch UBND tỉnh, kiểu chữ in thường, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

6. Bảng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được minh họa tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định này.

Điều 8. Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Kích thước: Bảng được in trên khổ giấy kích thước là 360 mm x 237 mm.

2. Họa tiết hoa văn trang trí xung quanh:

a) Đường diềm được trang trí bằng các họa tiết hoa văn cách điệu, màu sắc phù hợp màu nền của bảng;

b) Chính giữa phía trên là Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Hình nền được trang trí bằng họa tiết hoa văn hoa sen, màu sắc phù hợp với màu nền vàng chanh.

4. Phong chữ: “Times New Roman”.

5. Nội dung:

a) Quốc hiệu “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu đen, cỡ chữ 13;

Tiêu ngữ “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen và liền phía dưới Quốc hiệu, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối, có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ, cỡ chữ 14;

b) Thẩm quyền quyết định khen thưởng: ghi làm một dòng “CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA” được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu đỏ, cỡ chữ 16;

c) Tính chất khen thưởng: Ghi là “TẶNG” hoặc “TRUY TẶNG” được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu đen; cỡ chữ 16;

đ) Tên hình thức khen thưởng: Ghi là “BẢNG KHEN” được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu đỏ; cỡ chữ 30;

e) Các dòng ghi tên của tập thể, cá nhân, hộ gia đình được khen thưởng được trình bày chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen; địa chỉ (hoặc chức vụ, đơn vị công tác đối với cá nhân đang công tác ở các cơ quan, tổ chức hoặc cơ quan chủ quản đối với tập thể), chữ in thường, kiểu chữ đứng, màu đen; thành tích của tập thể được khen thưởng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen. Cỡ chữ các nội dung này căn chỉnh cho phù hợp đảm bảo đẹp, trang trọng;

g) Phía dưới bên trái: ghi số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành quyết định; “Số sổ vàng” đặt dưới dòng số quyết định ghi số thứ tự của đối tượng được khen thưởng trong quyết định; chữ của hai dòng in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen, cỡ chữ 10;

h) Phía dưới bên phải ghi địa danh “Sơn La”, ngày, tháng, năm ban hành quyết định, cỡ chữ 12;

i) Chức vụ của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng: Ghi là “CHỦ TỊCH”; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen; cỡ chữ 13;

k) Khoảng trống để ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên người có thẩm quyền quyết định khen thưởng chữ in thường, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

6. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La được minh họa tại Phụ lục V kèm theo Quyết định này.

Điều 9. Bằng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La”

1. Kích thước in trên khổ giấy A5, kích thước 210 mm x 148 mm.

2. Phong chữ: “Times New Roman”.

3. Nội dung

3.1. Mặt ngoài

a) Màu nền: màu đỏ cờ;

b) Nội dung: dòng thứ nhất ghi: “ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA” được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu vàng, cỡ chữ 14; dòng thứ hai là logo kỷ niệm chương của tỉnh Sơn La, dòng thứ ba: ghi “ KỶ NIỆM CHƯƠNG” được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu vàng, cỡ chữ 24.

3.2. Mặt trong

a) Màu nền: màu vàng chanh; hình nền được trang trí bằng họa tiết trống đồng và logo kỷ niệm chương “vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La”;

b) Quốc hiệu: “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen, cỡ chữ 12;

c) Tiêu ngữ: “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen, cỡ chữ 13 và ở liền phía dưới Quốc hiệu, chữ cái đầu tiên của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối, có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền có độ dài bằng độ dài của dòng chữ;

d) Thẩm quyền quyết định khen thưởng: ghi một dòng “CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA” được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu đỏ, cỡ chữ 12;

e) Tính chất khen thưởng: ghi “TẶNG” được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu đen; cỡ chữ 13;

g) Tên hình thức khen thưởng: ghi “KỶ NIỆM CHƯƠNG” cỡ chữ 18 “VÌ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TỈNH SƠN LA” cỡ chữ 12, được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu đỏ;

h) Các dòng ghi họ và tên của cá nhân được khen thưởng, chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm; địa chỉ (hoặc chức vụ, đơn vị công tác đối với cá nhân đang công tác ở các cơ quan, tổ chức), chữ in thường, chữ màu đen; thành tích của cá nhân được khen thưởng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen. Cỡ chữ các nội dung này căn chỉnh cho hài hòa, phù hợp;

i) Phía dưới bên trái: ghi số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành quyết định; “Số sổ vàng” đặt dưới dòng ghi số quyết định khen, chữ của hai dòng in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen, cỡ chữ 10;

k) Phía dưới bên phải: ghi địa danh “Sơn La”, ngày, tháng, năm ban hành quyết định, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen, cỡ chữ 12; dưới dòng địa danh là dòng ghi chức vụ của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng, chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen; cỡ chữ 12;

l) Khoảng trống để ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên người có thẩm quyền quyết định khen thưởng, chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen, cỡ chữ 13.

3. Bằng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La” được minh họa tại Phụ lục VI kèm theo Quyết định này.

Điều 10. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hình thức: Cờ có kích thước (800 mm x 600 mm); chất liệu: Vải sa tanh hai lớp màu đỏ cờ.

2. Nội dung thêu: Cờ được thêu bằng chỉ màu vàng, chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, phông chữ và cỡ chữ tùy theo nội dung của cờ để căn chỉnh cho phù hợp đảm bảo đẹp, trang trọng và có các nội dung chính sau:

a) Dòng thứ nhất: “ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA”; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm;

b) Dòng thứ hai: “TẶNG”; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm;

c) Dòng thứ ba: chính giữa là ngôi sao vàng năm cánh;

d) Dòng thứ tư: “(tên đơn vị được tặng thưởng Cờ thi đua)” và dòng “ĐƠN VỊ DẪN ĐẦU PHONG TRÀO THI ĐUA NĂM HOẶC PHONG TRÀO THI ĐUA”, năm được ghi là năm đơn vị có thành tích được xét tặng danh hiệu, phong trào thi đua được ghi là tên phong trào thi đua của tỉnh phát động; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm.

3. Mẫu cờ thi đua của UBND tỉnh được minh họa tại Phụ lục VII kèm theo Quyết định này.

Điều 11. Mẫu khung bằng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Khung được cấp cùng với bằng của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua.

2. Mẫu khung bằng hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La có kích thước, chất liệu đảm bảo đẹp, trang trọng phù hợp với kích thước của bằng, hình thức khen thưởng.

Điều 12. Hộp đựng huy hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh”; kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La”, có kích thước, chất liệu đảm bảo đẹp, trang trọng phù hợp với hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua.

Chương III

QUẢN LÝ, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Điều 13. Quản lý, cấp phát hiện vật khen thưởng

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm mua sắm, bảo quản và cấp phát hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh; quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc cấp phát hiện vật khen thưởng cấp tỉnh của các cơ quan, đơn vị cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng.

2. UBND tỉnh, cơ quan, đơn vị tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh tỉnh kèm theo hiện vật khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng.

Điều 14. Cấp đổi hiện vật khen thưởng

1. Cá nhân, hộ gia đình, tập thể đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng do bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng hoặc do in sai bằng, gửi cơ quan, đơn vị, địa phương (nơi đang công tác hoặc nơi cư trú) kèm theo hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi.

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp và đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng (nội dung văn bản đề nghị có đầy đủ thông tin của cá nhân, hộ gia đình, tập thể đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng như: hình thức khen thưởng/danh hiệu thi đua; tên đối tượng được khen thưởng; Quê quán/Chức vụ, đơn vị công tác; số Quyết định khen thưởng; ngày, tháng, năm Quyết định; số sổ vàng; đơn vị trình khen thưởng, hiện vật đề nghị cấp đổi; lý do cấp đổi...) và hiện vật khen thưởng cũ, hư hỏng hoặc do in sai bằng gửi Sở Nội vụ xem xét, cấp đổi.

3. Căn cứ đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ tra cứu, xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp đổi hiện vật khen thưởng đồng thời thu lại hiện vật khen thưởng cũ hỏng theo quy định.

4. Thời gian giải quyết cấp đổi hiện vật khen thưởng và hiện vật khen thưởng thu lại do cấp đổi thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 14 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

5. Hiện vật khen thưởng cấp lại do Sở Nội vụ chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định như sau: cá nhân, tập thể, hộ gia đình khi được cấp đổi hiện vật khen thưởng sẽ được nhận bằng cấp đổi in theo thiết kế tại thời điểm tập thể, cá nhân được khen thưởng, trong đó phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm đó; phía dưới bên trái bằng ghi “Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm, số sổ vàng” và ghi “chứng nhận cấp đổi bằng số, ngày, tháng, năm” của Sở Nội vụ”. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình khi được cấp đổi bằng sẽ được nhận kèm theo giấy chứng nhận cấp đổi, giấy chứng nhận cấp đổi được minh họa Phụ lục IX kèm theo Quyết định này.

Điều 15. Cấp lại hiện vật khen thưởng

1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng gửi cơ quan, đơn vị, địa phương đã trình khen cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp và gửi văn bản (nội dung văn bản đề nghị có đầy đủ thông tin của cá nhân, tập thể, hộ gia đình đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng như: hình thức khen thưởng/danh hiệu thi đua; tên đối tượng được khen thưởng; quê quán/Chức vụ, đơn vị công tác; số Quyết định khen thưởng; ngày, tháng, năm Quyết định; Số sổ vàng; họ và tên người ký bằng, đơn vị trình khen thưởng; hiện vật đề nghị cấp đổi; lý do cấp lại...) đến Sở Nội vụ;

3. Căn cứ công văn đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ tra cứu hồ sơ, xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp lại hiện vật khen thưởng.

4. Thời gian giải quyết cấp lại hiện vật khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

5. Hiện vật khen thưởng cấp lại do Sở Nội vụ chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định như sau: mẫu bằng cấp lại in theo thiết kế tại thời điểm cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng, trong đó phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm đó; phía dưới bên trái bằng ghi “Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm, số sổ vàng” và ghi “chứng nhận cấp lại bằng số, ngày, tháng, năm” của Sở Nội vụ. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình khi được cấp lại bằng sẽ được nhận kèm theo giấy chứng nhận cấp lại, giấy chứng nhận được minh họa Phụ lục IX kèm theo Quyết định này.

**Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 16. Tổ chức thực hiện**

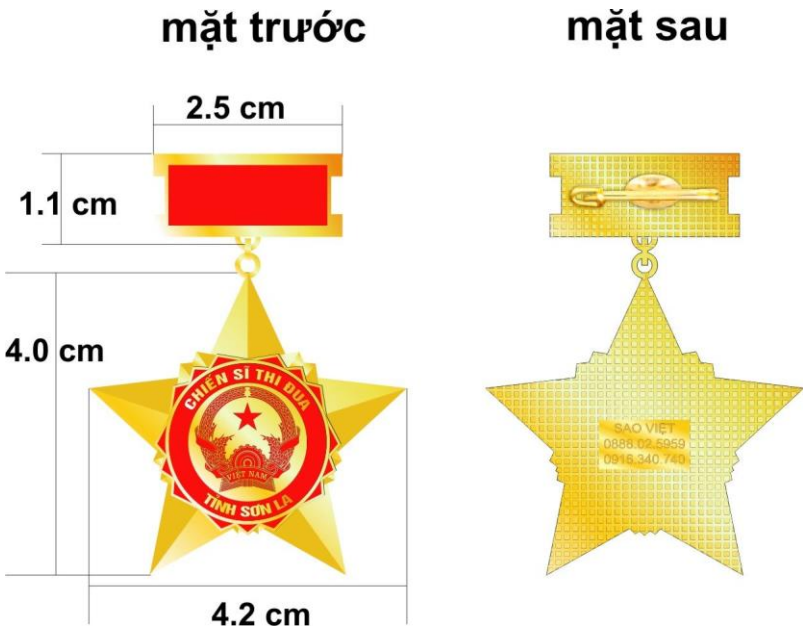
1. Giao Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền khen thưởng xây dựng mẫu giấy khen, bằng “Chiến sĩ thi đua cơ sở” theo quy định tại Điều 104 ; quản lý, cấp phát hiện vật khen thưởng thực hiện theo khoản 3 Điều 113; cấp đổi hiện vật khen thưởng thực hiện theo khoản 4, khoản 5 Điều 114; cấp lại hiện vật khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 115 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

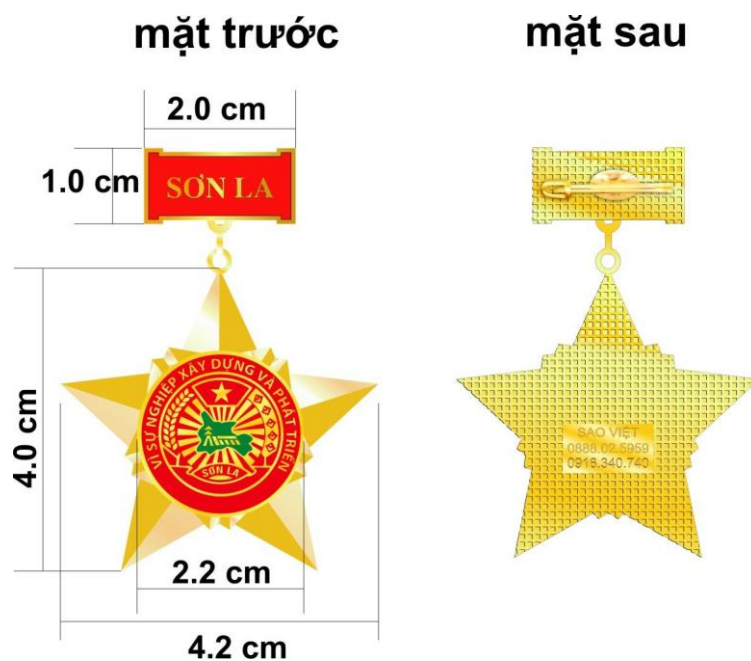
3. Các nội dung khác về hiện vật khen thưởng, quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng không được quy định trong văn bản này thực hiện theo quy định của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật khác có liên quan./.

Phụ lục I

HUY HIỆU “CHIẾN SĨ THI ĐUA TỈNH ”



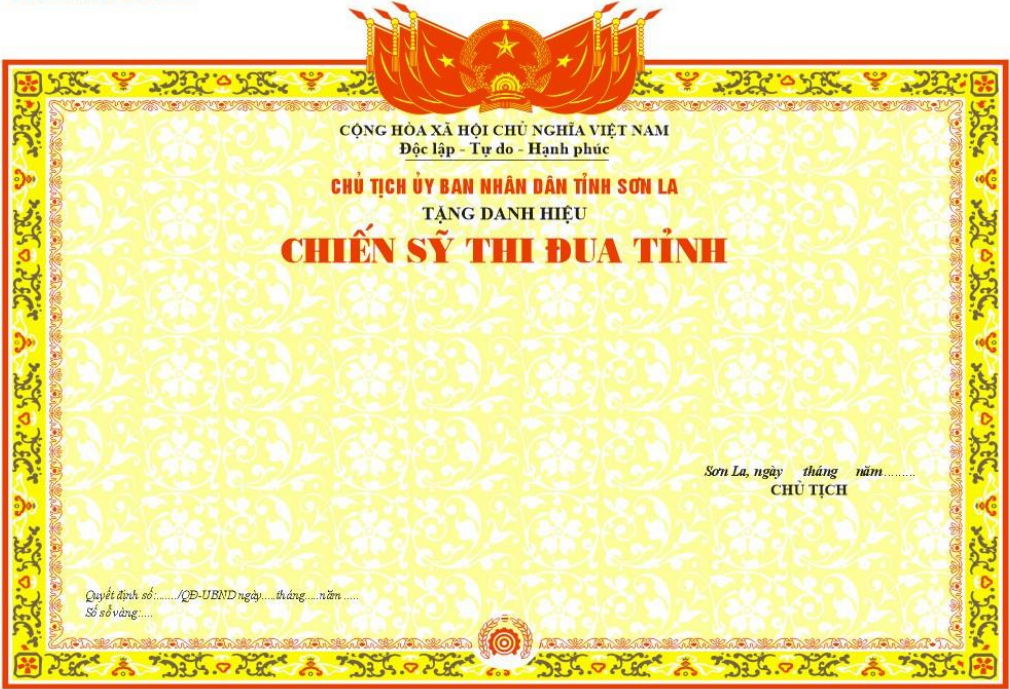
Phụ lục II

**KỶ NIỆM CHƯƠNG “VÌ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN TỈNH SƠN LA”**

Phụ lục III

BẢNG CHỨNG NHẬN “CHIẾN SĨ THI ĐUA TỈNH ”

360mm X 237 mm



Phụ lục IV

BẢNG DANH HIỆU “TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC”

297mm X 210mm



Phụ lục V

BẢNG KHEN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

360mm X 237 mm



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

TẶNG

BẢNG KHEN

Sơn La, ngày tháng năm

CHỦ TỊCH

Quyết định số/QĐ-UBND ngàythángnăm
Số sổ v danh.....



Phụ lục VI

**BẢNG KỶ NIỆM CHƯƠNG “VÌ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN TỈNH SƠN LA**

Mặt ngoài:
210mm x 148mm

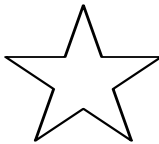


Mặt trong:
210mm x 148mm



Phụ lục VII

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
TẶNG**



TÊN ĐƠN VỊ.....
ĐƠN VỊ DẪN ĐẦU PHONG TRÀO THI ĐUA NĂM
CỦA KHỐI THI ĐUA
(HOẶC ĐƠN VỊ DẪN ĐẦU PHONG TRÀO THI ĐUA
.....)

Phụ lục VIII**UBND TỈNH SƠN LA**
SỞ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /GCN-SNV

Sơn La, ngày...tháng....năm

GIẤY CHỨNG NHẬN
Cấp đổi bằng (1)

Sở Nội vụ chứng nhận cấp đổi bằng cho:

Tên tập thể (họ và tên cá nhân, hộ gia đình):.....

Quê quán (chức vụ, đơn vị công tác):.....

Đã được tặng thưởng:.....(1).....

Thành tích khen thưởng:.....(2).....

Theo Quyết định số:.....ngày ... tháng ... năm

Của.....(3).....

Số sổ vàng:

Đơn vị trình khen:.....(4).....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

Các thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đều đúng theo Quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh;

- (1) Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua;
- (2) Ghi câu thành tích trong Quyết định khen thưởng;
- (3) Ghi thẩm quyền quyết định khen thưởng;
- (4) Ghi cơ quan, đơn vị, địa phương đã trình khen thưởng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình.

Phụ lục IX**UBND TỈNH SƠN LA**
SỞ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /GCN-SNV

*Sơn La, ngày...tháng....năm***GIẤY CHỨNG NHẬN**
Cấp lại bằng.....(1)

Sở Nội vụ chứng nhận cấp lại bằng cho:

Tên tập thể (họ và tên cá nhân, hộ gia đình):.....

Quê quán (chức vụ, đơn vị công tác):.....

Đã được tặng thưởng:.....(1).....

Thành tích khen thưởng:.....(2).....

Theo Quyết định số:..... ngày ... tháng ... năm

Của.....(3).....

Số sổ vàng:

Đơn vị trình khen:.....(4).....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

Các thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đều đúng theo Quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh

- (1) Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua;
- (2) Ghi câu thành tích trong Quyết định khen thưởng;
- (3) Ghi thẩm quyền quyết định khen thưởng;
- (4) Ghi cơ quan, đơn vị, địa phương đã trình khen thưởng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com